

Số: /CTr-STP

An Giang, ngày tháng 02 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 của Sở Tư pháp

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW);

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-BTP ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về việc thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Sở Tư pháp xây dựng Chương trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với nội dung cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đứng trước những thay đổi mang tính thời đại, trên cơ sở bám sát và triển khai hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tư pháp, đặc biệt là Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, với tinh thần đoàn kết, dân chủ, đổi mới, sáng tạo, ngành Tư pháp nhận thức rõ vai trò, trọng trách nặng nề, phải thực sự trở thành “lực lượng nòng cốt”, “đi đầu trong tham mưu kiến tạo đồng bộ thể chế phát triển đất nước”, gương mẫu, đi đầu trong việc thúc đẩy lối sống thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; không ngừng đổi mới tư duy để gánh vác, hoàn thành tốt những nhiệm vụ, trọng trách mới.

Đồng thời, cũng là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, trong bối cảnh quốc gia đang đẩy mạnh cải cách thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng tốc chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp.

Các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch phải mang tính toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi và hiệu quả và phù hợp với thẩm quyền của tỉnh và khả năng cân đối, huy động nguồn lực; phân công rõ trách nhiệm, sản phẩm đầu ra.

Đồng thời, phải có tính kế thừa, chọn lọc và cập nhật, bổ sung các nhóm giải pháp, nhiệm vụ mới theo yêu cầu phát triển của tỉnh trong năm 2026, phù hợp với điều kiện ngành Tư pháp, triển khai ứng dụng Trợ lý ảo AI vào công tác pháp luật.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng các nguồn lực. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, khơi dậy tinh thần sáng tạo, và phát huy vai trò của nhân dân trong quá trình thực hiện.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là xu thế tất yếu và động lực trong Chương trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đoạn 2026 - 2030 của ngành Tư pháp. Theo đó, Chương trình tập trung các nội dung trọng tâm: Tiếp tục rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật phù hợp, đưa thể chế thành một lợi thế để tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tình hình mới, có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài; tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật số của ngành, xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành Tư pháp, có lộ trình triển khai phù hợp, hiệu quả; đảm bảo dự toán kinh phí để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ.

2. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm trong mọi hoạt động phát triển dữ liệu số, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trong hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ về thể chế chính sách pháp luật, thủ tục hành chính...

3. Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành Tư pháp thống nhất và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin là yếu tố tiên quyết để đảm bảo tính thành công, bền vững Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển hạ tầng dữ liệu hiện đại, đồng bộ và đảm bảo an toàn, an ninh mạng là yêu cầu tiên quyết; phát triển dữ liệu số ngành Tư pháp thống nhất về cơ sở dữ liệu chuyên ngành, là nền tảng cốt lõi để triển khai hiệu quả các ứng dụng số, dịch vụ số và mô hình quản lý thông minh của tỉnh.

5. Sở Tư pháp xác định trọng tâm của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là tập trung vào những nội dung về thể chế chính sách pháp luật có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và cộng đồng sáng tạo trong phạm vi quản lý ngành Tư pháp. Trong đó, chuyển đổi số phải được triển khai đồng bộ với cải cách hành chính, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Chuyển đổi số xác định mục tiêu và hướng đi, còn dữ liệu số là nền tảng để hiện thực hóa các mục tiêu đó.

6. Các chương trình, dự án chuyển đổi số phải được lập kế hoạch và báo cáo theo nguyên tắc 6 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tập trung quán triệt và triển khai thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU, ngày 26/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Triển khai hiệu quả Đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”. Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 22/8/2025 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

c) Tập trung quán triệt và triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, bảo đảm mọi hoạt động quản trị, chia sẻ và khai thác dữ liệu đều hướng đến phục vụ tốt nhất nhu cầu thụ hưởng dịch vụ công; sáng tạo, minh bạch trong thời kỳ xã hội số phát triển mạnh mẽ, hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ, giảm chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh tham gia dịch vụ công.

d) Xác định dữ liệu là tài sản chiến lược và nguồn lực quan trọng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu ngành được số hóa, chuẩn hóa, khai thác, kết nối, chia sẻ đồng bộ, liên thông gắn với cải cách hành chính, nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”, thống nhất và dùng chung trên một nền tảng trong thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, tránh phân mảnh và phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

đ) Tăng cường chuyển đổi số, phát triển dữ liệu, hạ tầng số và năng lực số trong hoạt động truyền thông là hành động cụ thể hóa các chủ trương, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh. Ứng dụng các công nghệ số như thực tế ảo AI pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu kết quả, đóng góp tăng trưởng

a) Đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá để sớm hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khẳng định vai trò quyết

định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh bảo đảm thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

b) Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoàn thiện thể chế chính sách, tạo sự thông thoáng pháp luật, truyền thông pháp luật đến người dân, doanh nghiệp dễ hiểu, dễ tiếp cận về chính sách mới, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính..., góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Thông qua ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về dịch vụ công, hướng đến người dân, doanh nghiệp cùng thụ hưởng chính sách.

Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công; tạo nền tảng thuận lợi để thu hút nguồn lực xã hội, khuyến khích doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

2.2. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; tiêu chuẩn, quy chuẩn

a) Quán triệt thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW, ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, từng bước rà soát, đơn giản hóa và tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

b) Tăng cường công tác tham mưu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích nguồn lực phát triển xây dựng thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chủ động nghiên cứu chiến lược, chính sách từ sớm, góp phần tăng cường tính dự báo và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật.

c) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bám sát quy trình xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành và Công văn số 1445/UBND-NC ngày 27/10/2025 của UBND tỉnh hướng dẫn quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật. Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số trong xây dựng và thi hành pháp luật; thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Hướng dẫn theo dõi việc thực hiện pháp luật, kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính và Chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1). Thực hiện rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng... Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác.

2.3. Về chuyển đổi số

a) Triển khai thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện tốt các nhiệm vụ về thể chế, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận chính sách, pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp...

b) Triển khai thực hiện Quyết định số 1948/QĐ-BTP ngày 26/6/2025 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch Hành động triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về việc thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số, Đề án 06 gắn với tuyên truyền, truyền thông đối với việc khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thiết yếu của ngành Tư pháp.

c) Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành của Sở Tư pháp, nhất là việc thực hiện chữ ký số, gửi/nhận văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh. Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn an ninh mạng, cấp độ mạng nội bộ cơ quan; thông tin chia sẻ cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan liên quan trong thực hiện đảm bảo an toàn an ninh mạng; thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin an toàn an ninh mạng, cấp độ mạng nội bộ cơ quan, nhất là cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Trang phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; không để lộ, lọt mất an toàn thông tin trên không gian mạng.

d) Tập trung đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện báo cáo thống kê trên Hệ thống phần mềm thống kê của ngành Tư pháp, quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BTP ngày 24/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp; đặc biệt là hướng dẫn nghiệp vụ đối với công chức phụ trách công tác báo cáo thống kê tại Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh.

đ) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh; các thủ tục hành chính thiết yếu: Đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn và 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

2.4. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thực hiện hiệu quả, thực chất công tác chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, trong đó ưu tiên nguồn lực xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu lớn, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”, liên thông, dễ khai thác, dễ sử dụng, an toàn thông tin và bí mật nhà nước. Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đối với hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học, công nghệ mới trong quản lý ngành Tư pháp; khuyến khích đổi mới sáng tạo trong công chức, viên chức và người lao động giải quyết nhiệm vụ; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới.

c) Phát triển nguồn nhân lực ngành Tư pháp có kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước hình thành đội ngũ chuyên trách, nòng cốt đáp ứng yêu cầu phát triển ngành trong giai đoạn mới.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

a) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành Tư pháp. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số ngành Tư pháp hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030.

b) Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của ngành Tư pháp hoạt động chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, tăng cường phân cấp, phân quyền, phân công, phối hợp và kiểm tra, giám sát. Hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế về công tác cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp; nâng cao chất lượng công tác đánh giá, quản lý, sử dụng cán bộ và chú trọng phát hiện, đào tạo, trọng dụng nhân

tài, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành Tư pháp có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới.

2. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức, triển khai thực hiện các quy định trách nhiệm người đứng đầu theo Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phát động phong trào thi đua về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ thuật số, công nghệ số, phong trào “*Học tập trên các nền tảng số*” để trở thành phong trào “*học tập số*” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, góp phần hiện đại hóa quy trình làm việc, nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn và chất lượng cung cấp dịch vụ công nhằm phục vụ cá nhân, tổ chức hoạt động quản lý nhà nước.

d) Phân đấu bố trí tỉ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo cơ quan, đơn vị đáp ứng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tình hình mới.

3. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng đề án vị trí việc làm, bố trí đầu mỗi chuyên trách có trình độ công nghệ thông tin để phụ trách trực tiếp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Sở Tư pháp; thực hiện chế độ chính sách cho người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số tại cơ quan theo quy định.

b) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình chuyên ngành Tư pháp theo hướng phù hợp với môi trường số; đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Thường xuyên rà soát để kịp thời phát hiện và tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc về thể chế trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành Tư pháp.

c) Tăng cường số hóa quy trình nội bộ, hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu số để giảm chi phí tuân thủ ngành Tư pháp.

4. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai quản lý và khai thác hiệu có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Tư pháp theo quy định về hộ tịch, công chứng, chứng thực, hệ thống văn bản QPPL, phổ biến, giáo dục pháp luật... Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các sở, ngành, địa phương. Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính.

5. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tạo môi trường làm việc sáng tạo, chuyên nghiệp, minh bạch; tạo điều kiện phát huy tài năng, sáng tạo, khuyến khích người tài phát huy năng lực và cống hiến cho ngành Tư pháp. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin cho đội ngũ công chức ngành Tư pháp.

b) Triển khai thực hiện chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực có trình độ cao về chuyển đổi số, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp nhu cầu của ngành. Thu hút, bố trí, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành Tư pháp.

c) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc thực hiện triển khai thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang theo Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 31/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; góp phần tạo chuyển biến căn bản trong công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm và giai đoạn 2026 - 2030, lồng ghép các nhiệm vụ được giao về phát triển Chính phủ số, chính quyền số trên địa bàn tỉnh An Giang theo Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cắt giảm đơn giản hóa tối đa TTHC, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ TTHC; tăng cường chỉ đạo điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ nhân dân.

c) Đẩy mạnh số hóa và lưu trữ dữ liệu liên quan đến công chức, viên chức

và người lao động thuộc Sở theo quy định, bảo đảm khả năng quản lý, truy xuất và chia sẻ thông tin thuận lợi; phục vụ hiệu quả công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực. Việc số hóa dữ liệu công chức, viên chức và người lao động mang lại nhiều lợi ích cho quản lý và phát triển nguồn nhân lực, góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

d) Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số. rà soát lại toàn bộ các trang thiết bị đầu cuối, các phần mềm không còn đảm bảo, nguy cơ mất an ninh, an toàn để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cấp, thay thế mới nếu cần thiết. Tận dụng, lưu trữ tài liệu, hồ sơ điện tử, kết quả số hóa, giải quyết TTHC đối với thiết bị cũ, chuyển đổi phương án sử dụng cho phù hợp.

đ) Tập trung triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số, công nghệ số trong ứng dụng công nghệ thực tế ảo trong công tác thể chế, quản lý hộ tịch, hỗ trợ tư pháp và phổ biến, giáo dục pháp luật...

7. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Thực hiện tốt các nhiệm vụ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và trả lời vướng mắc, tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Triển khai mạnh mẽ công tác chuyển đổi số trong ngành Tư pháp trên môi trường số, trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân và doanh nghiệp giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

c) Hỗ trợ chính sách pháp luật cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh tiếp cận các nền tảng số, giải pháp số. Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh, góp phần nâng cao chỉ số phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Triển khai Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/8/2025 thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030” trên địa bàn tỉnh; đổi mới toàn diện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên nền tảng số, truyền thông số, thông qua ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền pháp luật.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết vùng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 21/5/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

b) Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế, trong đó, tập trung xử lý tốt các vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh, nhất là tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế nhằm kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương. Phối hợp mở rộng hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp; thực hiện tốt công tác phòng ngừa, ngăn chặn những tác động, can thiệp vào nhiệm vụ xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết vùng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế theo pháp luật, cam kết quốc tế của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế; tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế do Bộ Tư pháp tổ chức.

d) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ để tận dụng tối đa nguồn lực toàn cầu; ký kết các hiệp định hợp tác với các quốc gia tiên tiến về khoa học, công nghệ theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chánh Văn phòng làm đầu mối tham mưu Giám đốc Sở, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai Chương trình; đồng thời định kỳ, đột xuất báo cáo Giám đốc Sở và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Các phòng, đơn vị thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với nhiệm vụ của phòng, đơn vị mình; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng trong quá trình triển khai.

3. Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về nội dung, tiến độ, chất lượng công việc được giao; triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, CNTT, pvtoan

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Chương trình số /CTr-STP ngày..... tháng 02 năm 2026 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện qua các năm					Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp	Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030			
1	Triển khai Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 22/8/2025 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	%	80	80	80	90	95	Sở Tư pháp (Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật)	Các sở, ban, ngành liên quan	
2	Triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới	%	80	80	80	90	95	Sở Tư pháp (Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật)	Các sở, ban, ngành liên quan	

3	Triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trong ngành Tư pháp	%	60	60	60	80	90	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở; phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp)	Các sở, ban, ngành liên quan; các phòng, đơn vị thuộc Sở	
4	Triển khai Quy định số 178-QĐ/TW, ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật	%	100	100	100	100	100	Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	
5	Hướng dẫn theo dõi việc thực hiện pháp luật, kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính và Chỉ số chỉ phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1)	%	80	80	80	80	90	Sở Tư pháp (Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật)	Các sở, ban, ngành liên quan	

6	Triển khai đến công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	%	80	80	90	90	100	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
7	Triển khai Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/8/2025 thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030” trên địa bàn tỉnh	%	60	60	70	80	90	Sở Tư pháp (Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật)	Các sở, ban, ngành liên quan; các phòng, đơn vị thuộc Sở
8	Triển khai các nội dung tại Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2028 trên địa bàn tỉnh An Giang	%	60	60	70	80	90	Sở Tư pháp (Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật)	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã

9	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng	%	100	100	100	100	100	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội; các phòng, đơn vị thuộc Sở
10	Người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95	95	95	95	95	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở; phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp; phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật)	Các sở, ban, ngành liên quan
11	Rà soát thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình.	%	80	80	80	90	90	Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp; phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật	Văn phòng Sở
12	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	%	100	100	100	100	100	Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp; phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật	Văn phòng Sở
13	Thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	%	90	90	90	100	100	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở

14	Triển khai thực hiện thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	%	90	90	90	90	100	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở; phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp; phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật)	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã
15	Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trên cơ sở dữ liệu dùng chung Bộ tư pháp trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	%	80	80	80	90	100	Sở Tư pháp (Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp; Văn phòng Sở)	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND xã, phường, đặc khu
16	Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin cơ quan (Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; đánh giá định kỳ; phân đấu đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông)	%	100	100	100	100	100	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở)	Công an tỉnh; các phòng, đơn vị thuộc Sở